TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **109** /2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 06 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hồ Hoàng Y**; sinh năm: 1989, Hộ khẩu thường trú: tổ 10, phường B, quận H, Tp. Đà Nẵng – Chỗ ở hiện nay: Phòng 509 cung cư CT04 11 tầng Phong B, số 78 Nhất Chi M, phường H, quận C, Tp. Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn D**; sinh năm: 1988; Địa chỉ: K169/19 NQ, tổ 85 phường T, quận S, Tp.Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Hồ Hoàng Y và ông Trần Văn D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 187, ngày 13.7.2017 tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp không còn giá trị*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Hồ Hoàng Y và ông Trần Văn D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Hồ Hoàng Y và ông Trần Văn D xác định có 01 người con chung Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày: 05/5/2015. Ly hôn ông bà thỏa thuận là giao con cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn đ□ợc thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai đ□ợc ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi ng□ời nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp d□ỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ bà Y, ông D mỗi người chịu 75.000đ nhưng bà Y tự nguyện chịu 150.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S biên lai thu số 0007982 ngày 22/7/2019. Hoàn trả cho bà Y 150.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S biên lai thu số 0007982 ngày 22/7/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND p T, quận S, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh